

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Thực hiện Công văn số 1958/UBND-KSTT ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ; Ban Dân tộc báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm 2024 và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 với các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CCHC

1. Về tình hình xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2024

- Căn cứ Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2024, Ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 15/01/2024 về ban hành kế hoạch CCHC năm 2024 của Ban Dân tộc, trong đó xác định đầy đủ nhiệm vụ CCHC, phân công trách nhiệm, xác định kết quả và sản phẩm cụ thể đạt được.

- Ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch liên quan đến công tác CCHC gồm: Kế hoạch số 01/KH-BDT ngày 04/01/2024 về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-BDT ngày 23/01/2024 về duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của Ban Dân tộc, năm 2024; Quyết định số 18/QĐ-BDT ngày 15/02/2024 về ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024 của Ban Dân tộc; Quyết định số 05/QĐ-BDT ngày 22/01/2024 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; Quyết định số 19/QĐ-BDT ngày 21/02/2024 về ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024; Quyết định số 30/QĐ-BDT ngày 03/5/2024 về ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024... Các kế hoạch đều xác định đầy đủ nhiệm vụ, phân công trách nhiệm và xác định kết quả, sản phẩm cụ thể đạt được.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Lãnh đạo cơ quan tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về CCHC; tình hình, kết quả nổi bật công tác cải cách hành chính của tỉnh và của cơ quan đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động và người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS & MN) trên địa bàn tỉnh: Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Khánh

Hòa về triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Quyết định số 4831/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2024.

- Phát động cán bộ, công chức tích cực nghiên cứu, đăng ký sáng kiến thi đua năm 2024, Ban Dân tộc có 02 công chức đăng ký đề tài sáng kiến.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt Kế hoạch số 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp và Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh về việc cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc của các sở, ngành, địa phương; Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 09/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng tham mưu chuyên môn và tổ chức các cuộc họp xử lý công việc thường xuyên của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn số 530/UBND-TH ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện nhiệm vụ và hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương; Công văn số 1624/UBND-TH ngày 15/02/2024 của UBND tỉnh về việc khắc phục những hạn chế trong thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính sau kiểm tra năm 2023; sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế nội bộ của cơ quan phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan và các quy định hiện hành.

- Thường xuyên rà soát nhiệm vụ được UBND tỉnh giao và nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, đảm bảo các văn bản được tham mưu có chất lượng, đúng thời gian quy định; 100% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao hoàn thành đúng tiến độ và không có văn bản nào bị trễ hạn.

- Quan tâm, tạo điều kiện, cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan công tác CCHC và ứng dụng công nghệ thông tin do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức nhằm nâng cao chất lượng cán bộ, công chức của Ban Dân tộc. Cập nhật đầy đủ các thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước đến cán bộ, công chức, người lao động và người dân.

- Kịp thời đề xuất khen thưởng đối với công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có thành tích về công tác cải cách hành chính.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Thực hiện Công văn số 172/SNV-CCHC ngày 15/01/2024 của Sở Nội vụ về việc chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch, biện pháp, giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót từ kết quả cải cách hành chính năm 2023; Ban Dân tộc đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 10/KH-BDT ngày 05/02/2024 về việc khắc

phục những tồn tại, hạn chế công tác cải cách hành chính năm 2023 của Ban Dân tộc, trong đó có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tập thể và thời gian hoàn thành.

Ban hành Quyết định số 30/QĐ-BDT ngày 03/5/2024 về Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của Ban Dân tộc. Dự kiến thời gian tổ chức kiểm tra: Tháng 6-7/2024.

4. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn cải cách hành chính

- Lãnh đạo Ban thường xuyên quan tâm, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nhiệm vụ CCHC; kết quả nổi bật về CCHC của tỉnh, của cơ quan thông qua các cuộc họp chi bộ, giao ban hàng tuần, hàng tháng, qua hệ thống E-Office và đăng tải trên Trang thông tin điện tử cơ quan đảm bảo sự thông suốt trong chỉ đạo, điều hành.

- Lồng ghép tuyên truyền, phổ biến đến đồng bào vùng DTTS và miền núi các nội dung liên quan đến công tác CCHC: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong tiếp cận thông tin theo quy định pháp luật, trong mối quan hệ với các cơ quan hành chính ở địa phương; quyền và nghĩa vụ của đồng bào khi thực hiện thủ tục hành chính. Những nỗ lực, giải pháp của chính quyền tỉnh về hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhằm tiếp tục duy trì ổn định đời sống xã hội, sản xuất kinh doanh; các kênh, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; một số kết quả nổi bật của tỉnh trong công tác CCHC năm 2023.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 về ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa năm 2024 của Ban Dân tộc.

- Viết 11 tin bài đăng tải trên Trang CCHC của tỉnh và Trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Ban Dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh:

+ Ban hành Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 17/5/2024 Quy định quản lý, sử dụng phương tiện nghe nhìn cấp cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Tờ trình số 06/TTr-BDT ngày 04/3/2024 của Ban Dân tộc).

+ Dự thảo Nghị quyết sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 13 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh.

Các văn bản quy phạm pháp luật được Sở Tư pháp thẩm định và ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc năm 2024, cụ thể:

+ Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đợt 2);

+ Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

+ Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ số sự nghiệp năm 2024 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Khánh Hòa (đợt 1);

+ Kế hoạch số 3215/KH-UBND ngày 28/3/2024 của UBND tỉnh thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 10 kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa – năm 2024;

+ Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

+ Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 07/5/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ số sự nghiệp năm 2024 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 tỉnh Khánh Hòa (đợt 2);

+ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025.

- Phối hợp xây dựng các dự án, đề án của các sở, ngành liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính của cơ quan

- Thực hiện Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 202, Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Ban Dân tộc đã ban hành: Quyết định số 19/QĐ-BDT ngày 21/02/2024 về ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024; Quyết định số 20/QĐ-BDT ngày 23/02/2024 về ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024 của Ban Dân tộc. Nội dung Kế hoạch đảm bảo đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính

theo quy định, có sự phân công, phối hợp nhiệm vụ rõ ràng, hợp lý; có xác định thời hạn thực hiện và dự kiến sản phẩm cụ thể.

- Thực hiện niêm yết thông tin tiếp nhận phản ánh kiến nghị (cơ quan tiếp nhận, địa chỉ, số điện thoại, hộp thư điện tử...) tại cơ quan và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan.

- Tham gia ý kiến đối với quy định, quy trình nội bộ về TTHC của các sở, ban, ngành khi có yêu cầu. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Ban Dân tộc không có các kiến nghị, phản ánh liên quan đến thủ tục hành chính.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, Ban Dân tộc không có phát sinh hồ sơ trực tuyến thuộc lĩnh vực quản lý.

b) Kết quả thực hiện Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh

Lãnh đạo Ban Dân tộc tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; Công văn số 1039/VPUBND-KSTT ngày 16/11/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc hướng dẫn rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống HCNN giai đoạn 2022 - 2025 đến toàn thể cán bộ, công chức thông qua các cuộc họp giao ban, trên cổng thông tin điện tử và trên Hệ thống tác nghiệp điện tử E-Office của Ban.

Đăng ký danh mục thủ tục hành chính rà soát đơn giản hóa năm 2024 (Công văn số 1325/BDT-VP ngày 21/12/2023 của Ban Dân tộc) theo đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 1496/VPUBND-KSTT ngày 15/12/2023.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định trong hoạt động của cơ quan: Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ; rà soát, đưa ra và bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý Ban Dân tộc nhiệm kỳ 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031.

- Phối hợp rà soát số liệu dân số, tỷ lệ người DTTS của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phục vụ công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.

- Xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc theo quy định của Luật Thanh tra năm 2022 và Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính Phủ, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình UBND phê duyệt theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

- 100% cán bộ, công chức và người lao động chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; không có trường hợp cán bộ, công chức nào bị xử lý kỷ luật hoặc có khiếu nại, tố cáo, phản ánh của người dân, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến cán bộ, công chức được thẩm tra, xác minh là có cơ sở.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 02/KH-BDT ngày 04/01/2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Ban Dân tộc năm 2024. Trong 6 tháng 2024, Ban Dân tộc đã tạo điều kiện và cử 02 công chức tham gia lớp nghiệp vụ đầu thầu do Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức; 02 công chức tham gia lớp tập huấn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử năm 2024 và nhiều lượt công chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn liên quan chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Cải cách tài chính công

Căn cứ Luật ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, Ban đã nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách hàng năm, thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng nội dung và định mức được chi; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện công khai ngân sách theo quy định.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 04/KH-BDT ngày 05/01/2024 về Ứng phó sự cố, đảm bảo an toàn thông tin mạng của Ban Dân tộc năm 2024; Kế hoạch số 14/KH-BDT ngày 04/3/2024 về chuyển đổi số năm 2024 và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ trên hệ thống báo cáo của tỉnh và các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trên phần mềm nhắc việc được thực hiện đầy đủ, đúng thời gian quy định và không có nhiệm vụ bị trễ hạn hoặc gia hạn.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng hoàn chỉnh Hồ sơ đề xuất thực hiện cập nhật phân hệ Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính theo Mẫu số 3 kèm theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 các quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở TTTT và đơn vị tư vấn triển khai nhiệm vụ: Xây dựng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Khánh Hòa.

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống mạng LAN hiện có, kết nối Internet qua đường truyền số liệu của UBND tỉnh; thực hiện gửi nhận văn bản dưới dạng điện tử qua hệ thống E-Office. 100% cán bộ, công chức của Ban đã thực hiện gửi, nhận văn bản dưới dạng điện tử qua hệ thống E-Office và thư điện tử công vụ. Cơ quan đã trang bị thêm phần mềm diệt virus nhằm tăng hiệu quả sử dụng và an toàn thông tin mạng. Thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của cơ quan và phần mềm quản lý cán bộ, công chức.

- Tiếp tục duy trì, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Các phòng bám sát và thực hiện đúng các quy trình nội bộ đã được ban hành tại HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Kế hoạch số 07/KH-BDT ngày 23/01/2024 về duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của Ban Dân tộc năm 2024).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Lãnh đạo cơ quan luôn xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm gắn liền với nhiệm vụ chính trị của cơ quan; thường xuyên tuyên truyền, quán triệt

đầy đủ, kịp thời mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch CCHC năm 2024; tình hình và kết quả CCHC của tỉnh và của cơ quan đến toàn thể cán bộ, công tác CCHC của cơ quan ngày càng đi vào nề nếp và chất lượng tốt hơn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công chức và người lao động của cơ quan nội dung các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác CCHC.

2. Tiếp tục đổi mới lề lối làm việc theo quy định tại Kế hoạch số 10316/KH-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh về việc cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc của các Sở, ngành, địa phương. Tạo điều kiện và cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng liên quan công tác CCHC của cơ quan.

3. Tiếp tục đổi mới lề lối làm việc theo quy định tại Kế hoạch số 10316/KHUBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh về việc cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc của các Sở, ngành, địa phương. Tạo điều kiện và cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng liên quan công tác CCHC của cơ quan.

4. Tạo điều kiện và cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch năm 2024.

5. Triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; đẩy mạnh ứng dụng CNTT, sử dụng phần mềm E-Office trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc.

6. Tiếp tục duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào các hoạt động của cơ quan.

7. Theo dõi, cập nhật thông tin cán bộ, công chức, lao động trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, lao động và Trang thông tin điện tử cơ quan theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

8. Tổ chức kiểm tra nội bộ công tác CCHC; đánh giá nội bộ việc duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào các hoạt động của Ban Dân tộc.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kính đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 nhằm đảm

bảo sự phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và các chính sách mới liên quan đến vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của Ban Dân tộc tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (VBĐT);
- Sở Nội vụ (VBĐT);
- Sở TTTT (VBĐT);
- Sở Tư pháp (VBĐT);
- Sở KHCN (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Sở KHĐT (VBĐT);
- Lãnh đạo Ban (VBĐT);
- Phụ trách CNTT (đăng Website);
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG BAN

Võ Nam Thắng

Phụ lục I
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI BAN DÂN TỘC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày 14/6/2024 của Ban Dân tộc tỉnh)

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|-----------|--|------------------|---------|------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Công tác chỉ đạo điều hành CCHC | | | |
| 1.1. | Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 15/01/2024 về Kế hoạch CCHC năm 2024 của Ban Dân tộc. | Quyết định | 1 | - Ban Dân tộc |
| | - Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 31 | - Ban Dân tộc |
| | - Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 23 | - Ban Dân tộc |
| 1.2. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành: | Văn bản | 10 | - Ban Dân tộc |
| 1.3. | Kiểm tra CCHC - Dự kiến thời gian: Quý II-III/2024 - Số lượng: Kiểm tra 3/3 phòng thuộc Ban | Kế hoạch | 1 | - Ban Dân tộc |
| 1.3.1. | Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra | | 0 | |
| | - Số sở, ngành đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| | - Số UBND cấp huyện đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| 1.3.2. | Xử lý sau kiểm tra | | 0 | |
| | - Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | | |
| | - Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | | |
| 1.4. | Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, người đứng đầu tham gia giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 <i>(Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông, việc đánh giá các tiêu chí đối với cán bộ, công chức theo Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 31/3/2017 của Tỉnh ủy và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh được lồng ghép trong quy chế đánh giá cán bộ, công chức)</i> | Tháng | | - Ban Dân tộc |
| 1.5. | Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao | | | - Ban Dân tộc |
| | - Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 79 | |
| | - Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 30 | |
| | - Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 | |
| 1.6. | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của đơn vị mình | | | - Ban Dân tộc |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|--------------|---|--|-----------|------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | - Dự kiến thực hiện vào Quý IV | | | |
| | - Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | | |
| | - Hình thức khảo sát | 1 | | |
| 1.7. | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | 0 | 0 | |
| 2. | Cải cách thể chế | | | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành - Trong 6 tháng đầu năm 2024, Ban Dân tộc có tham mưu ban hành 01 văn bản QPPL (Ban hành Nghị quyết sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 13 của Quy định kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh) | Văn bản | 01 | - Ban Dân tộc |
| 2.2. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 0 | |
| 2.3. | Số VBQPPL đã rà soát | Văn bản | 0 | |
| 2.4. | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát | Văn bản | 0 | |
| 2.5. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 | |
| 3. | Cải cách thủ tục hành chính | | | |
| 3.1. | Thống kê TTHC | | | |
| | - Số TTHC tham mưu công bố mới | Thủ tục | 02 | |
| | - Số TTHC tham mưu bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 02 | |
| 3.2. | Tổng số TTHC ngành/lĩnh vực đang có hiệu lực. Trong đó: | Thủ tục | 02 | - Ban Dân tộc |
| | - Số TTHC cấp tỉnh | Thủ tục | 0 | |
| | - Số TTHC cấp huyện | Thủ tục | 02 | |
| | - Số TTHC cấp xã | Thủ tục | 02 | |
| 3.3. | Công khai TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia | | | - Ban Dân tộc |
| | - Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục | 02 | |
| | - Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục | | |
| 3.4. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông) | Ban Dân tộc không có Bộ phận một cửa, một cửa liên thông | | |
| 3.4.1 | Thống kê quy trình nội bộ giải quyết TTHC của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh | | | |
| 3.4.1.1. | Số quyết định phê duyệt quy trình nội bộ | Quyết định | | |
| | - Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh | Quyết định | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|---------------|--|------------------|---------|------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | - Thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh | Quyết định | | |
| 3.4.1.2. | Số lượng quy trình nội bộ được phê duyệt | Quy trình | | |
| | - Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh | Quy trình | | |
| | - Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh | Quy trình | | |
| 3.4.1.3. | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ | % | | |
| 3.4.1.4. | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa | % | | |
| 3.4.2. | Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông. Trong đó: | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | | |
| 3.4.3. | Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4. Trong đó: | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3 | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC cho phép nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 4 | Thủ tục | | |
| 3.4.4. | Số TTHC cho phép thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh. Trong đó: | Thủ tục | | - |
| | - Số TTHC cho phép tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC cho phép trả kết quả qua dịch vụ BCCI | Thủ tục | | |
| | - Số TTHC cho phép tiếp nhận và trả qua dịch vụ BCCI | Thủ tục | | |
| 3.4.5. | Thống kê TTHC cho phép thanh toán trực tuyến | Thủ tục | | |
| 3.4.6. | Kết quả giải quyết TTHC | Hồ sơ | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp) | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp) | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đầu tư được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp) | % | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp) | % | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|---------------|--|------------------|---------|--------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 3.4.7. | Kết quả cung cấp dịch vụ công | | | |
| 3.4.7.1. | Hồ sơ trực tuyến | | | |
| | - Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 3 | Hồ sơ | 0 | Ban Dân tộc phối hợp thực hiện |
| | - Số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ 4 | Hồ sơ | | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3 | % | 100 | |
| | - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 4 | % | | |
| 3.4.7.2. | Hồ sơ thực hiện qua dịch vụ BCCI | | | |
| | - Hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI | Hồ sơ | | |
| | - Hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI | Hồ sơ | | |
| | - Hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI | Hồ sơ | | |
| 3.4.7.3. | Hồ sơ thanh toán trực tuyến | | | |
| | - Số lượng hồ sơ được thanh toán trực tuyến | Hồ sơ | | |
| | - Số tiền được thanh toán trực tuyến | Đồng | | |
| 3.4.7.4 | Tin nhắn tự động thông báo tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC | Tin nhắn | | |
| 4. | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước | | | |
| 4.1. | Cơ cấu tổ chức bộ máy | | | Ban Dân tộc |
| 4.1.1. | Số phòng thuộc Ban | phòng | 3 | |
| 4.1.2. | Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 4.1.3. | Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 4.1.4. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Trong đó: | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| | - Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| | - Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| | - Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| | - Tỷ lệ ĐVSNNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | 0 | |
| 4.2. | Số liệu về biên chế công chức | | | Ban Dân tộc |
| | - Tổng số biên chế được giao trong năm 2024 | Người | 14 | |
| | - Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 13 | |
| | - Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước | Người | 02 | |
| | - Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 1 | |
| | - Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 17,6 | |
| 4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|-------------|--|--|----------|------------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | (Ban Dân tộc không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc) | | | |
| 5. | Cải cách chế độ công vụ | | | |
| 5.1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | Ban Dân tộc |
| 5.1.1. | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 1 | |
| 5.1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 5.1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | 0 | |
| 5.2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | Ban Dân tộc |
| 5.2.1. | Tuyển dụng công chức | | 0 | |
| | - Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| | - Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 0 | |
| | - Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên | Người | 0 | |
| 5.2.2. | Tuyển dụng viên chức | | 0 | |
| | - Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | 0 | |
| | - Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | Người | 0 | |
| 5.3. | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo | | | Ban Dân tộc |
| | - Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển | Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0 | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới | Người | 0 | |
| 5.4. | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền) | | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật | Người | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| | - Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | Người | 0 | |
| | - Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật | Người | 0 | |
| 6. | Cải cách tài chính công | | | Ban Dân tộc không có đơn vị |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|-------------|--|--|---------|----------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | | | sự nghiệp trực thuộc |
| 7. | Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số | | | |
| 7.1. | Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 | Chưa = 0 Hoàn thành = 1 | | |
| 7.2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i> | Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2 | | |
| 7.3. | Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | | |
| 7.4. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | | |
| 7.5. | Cổng/trang thông tin điện tử | Cổng/trang | | |
| | - Cấp tỉnh | Chưa = 0 Có = 1 | 1 | |
| | - Cấp huyện | Chưa = 0 Có = 1 | | |
| | - Cấp xã | Cổng/trang | | |
| 7.6. | Hệ thống Quản lý và điều hành văn bản (E-Office) | | | |
| 7.6.1. | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó: | | | |
| | - Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | % | | |
| | - Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | % | | |
| | - Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện | % | | |
| 7.6.2. | Số lượng chứng thư số, chữ ký số đã cấp. Trong đó: | Chứng thư số, chữ ký số | | |
| | - Cấp tỉnh | Chưa = 0 Có = 1 | 1 | |
| | - Cấp huyện | Chưa = 0 Có = 1 | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Kết quả thống kê | | Đơn vị thực hiện |
|-------------|---|-------------------------|---------|------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | - Cấp xã | Chứng thư số, chữ ký số | | |
| 7.6.3. | Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trong đó: | Văn bản | 532 | - Ban Dân tộc |
| | - Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử) | 99,06% | 527/532 | |
| | - Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy | 1,5% | 8/532 | |
| 7.6.4. | Thư điện tử công vụ đang sử dụng. Trong đó: | | | |
| | - Cấp tỉnh | Email | 7 | Ban Dân tộc |
| | - Cấp huyện | Email | | |
| | - Cấp xã | Email | | |
| 7.7. | Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh | | | |
| | - Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |
| | - Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |
| | - Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |

Phụ lục II
NHIỆM VỤ CỤ THỂ, SẢN PHẨM, TIẾN ĐỘ VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BDT ngày 14/6/2024 của Ban Dân tộc tỉnh)

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Tiến độ | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|----------|---|---|---------------|--|--------------|
| I | CẢI CÁCH THỂ CHẾ | | | | |
| 1 | Rà soát, sắp xếp tập hợp thành tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (nhiệm kỳ 2019 – 2023) | Công văn của Ban Dân tộc | Tháng 02/2024 | Công văn số 60/BDT-TTr ngày 19/01/2024 | Đúng tiến độ |
| 2 | Kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh năm 2024 | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh | Tháng 3/2024 | - Tờ trình số 03/TTr-BDT ngày 26/01/2024 - Kế hoạch số 1296/KH-UBND ngày 01/2/2024 | Đúng tiến độ |
| 3 | Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà năm 2024 | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh | Tháng 3/2024 | - Công văn số 247/BDT ngày 22/3/2024 - Kế hoạch số 3230/KH-UBND ngày 28/3/2024 | Đúng tiến độ |
| 4 | Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết sửa đổi một số nội dung kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh (NQ QPPL) | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo hồ sơ Nghị quyết của HĐND tỉnh | Quý I/2024 | Công văn số 130/BDT-NV ngày 20/02/2024 về việc tạm dừng sửa đổi Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND - Tờ trình số 08/TTr-BDT ngày 17/4/2024 | Đúng tiến độ |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Tiến độ | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|-----------|---|---|--|---|--------------|
| | | | | của Ban Dân tộc | |
| 5 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (giai đoạn 2021 – 2025) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2024 | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh | Sau khi Thủ tướng có Quyết định phân bổ vốn trung ương | - Công văn số 90/BDT-NV ngày 29/01/2024 - Quyết định số 355/KH-UBND ngày 01/2/2024 | Đúng tiến độ |
| 6 | Trình HĐND tỉnh Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 20215-2025 trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của HĐND tỉnh | Tờ trình của Ban Dân tộc kèm dự thảo hồ sơ Nghị quyết của HĐND tỉnh | Tháng 6/2024 | Đang thực hiện | Đúng tiến độ |
| 7 | Phối hợp xây dựng các dự án, đề án của các sở, ngành liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc | Văn bản góp ý | Thường xuyên | Các phòng được giao nhiệm vụ | Đúng tiến độ |
| II | CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | | | | |
| 8 | Tiếp tục rà soát, đơn giản hoá TTHC; cập nhật, tham mưu UBND tỉnh công bố TTHC mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc | Văn bản của Ban Dân tộc | Thường xuyên | Thanh tra Ban và Đầu mối kiểm soát TTHC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan | Đúng tiến độ |
| 9 | Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 10583/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh | Danh mục TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý | Năm 2024 | Văn phòng chủ trì hướng dẫn; các phòng phối hợp thực hiện | Đúng tiến độ |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Tiến độ | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|--|-----------------------------|--|----------------|
| 10 | Tổ chức thực thi phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh | Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC được thực thi trên địa bàn tỉnh | Theo tiến độ của Trung ương | Văn phòng chủ trì hướng dẫn; Thanh tra Ban phối hợp thực hiện | Đúng tiến độ |
| 11 | Tiếp nhận và xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính phục vụ cho việc cải cách thủ tục hành chính và hoàn thiện chính sách | Các phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính được giải quyết kịp thời, công khai trên HT quản lý kiến nghị cử tri và Trang Thông tin điện tử của cơ quan | Thường xuyên | Văn phòng và các phòng chuyên môn | Đúng tiến độ |
| III | CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY | | | | |
| 12 | Triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm trong cơ quan theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/8/2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 | Văn bản của Ban Dân tộc | Năm 2024 | - Công văn số 486/BDT-VP ngày 03/6/2024 - Đề án số 38/ĐA-BDT ngày 03/6/2024 | Đúng tiến độ |
| 13 | Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2024 | Kế hoạch của Ban Dân tộc | Quý II/2024 | Văn phòng | |
| 14 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định trong hoạt động của cơ quan | Quyết định của Trưởng ban | Thường xuyên | Văn phòng chủ trì, các phòng chuyên môn phối hợp thực hiện | |
| IV | CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ | | | | |
| 15 | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024 | Kế hoạch của Ban Dân tộc | Tháng 01/2024 | - Kế hoạch số 02/KH-BDT ngày 04/01/2024 | Đúng tiến độ |
| 16 | Đánh giá, xếp loại chất lượng công chức theo kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao | Báo cáo | Quý IV/2024 | | |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Tiến độ | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|-----------|---|-----------------------------|--|--------------------------|----------------|
| 17 | Cập nhật, bổ sung đầy đủ thông tin phần mềm Quản lý CBCCVC | | Thường xuyên | Thường xuyên | Đúng tiến độ |
| 18 | Triển khai thực hiện chính sách tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII | Văn bản của Ban Dân tộc | Theo tiến độ của Trung ương và hướng dẫn của Sở Nội vụ | | |
| V | CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG | | | | |
| 19 | Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ theo Hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ | Quyết định của Trưởng ban | Tháng 01/2024 | | Đúng tiến độ |
| 20 | Công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách | Báo cáo | Định kỳ | | Đúng tiến độ |
| VI | XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ | | | | |
| 21 | Thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử theo quy định | | Thường xuyên | Thường xuyên | Đúng tiến độ |
| 22 | Gửi, nhận, xử lý văn bản dưới dạng điện tử trên hệ thống hệ thống E-Office và sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi thông tin công việc | | Thường xuyên | Thường xuyên | Đúng tiến độ |
| 23 | Duy trì, áp dụng, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số về xây dựng và áp dụng Hệ thống ISO điện tử trong các cơ quan hành chính nhà nước | Kế hoạch/Báo cáo/Quyết định | Thường xuyên và theo hướng dẫn của Sở KHCN | Thường xuyên | Đúng tiến độ |
| 24 | Thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh | | Thường xuyên | Thường xuyên | Đúng tiến độ |
| 25 | Kế hoạch Ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin | Kế hoạch của Ban Dân tộc | Tháng 01/2024 | - Kế hoạch số 04/KH- | Đúng tiến |

| TT | NHIỆM VỤ | Sản phẩm | Tiến độ | Kết quả thực hiện | Ghi chú |
|------------|---|---|-----------------------------|--|--------------|
| | mạng của Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa năm 2024 | | | BDT ngày 05/01/2024 | độ |
| 26 | Phối hợp xây dựng, triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án liên quan đến lĩnh vực CCHC của UBND tỉnh | Các văn bản góp ý | Thường xuyên | Thường xuyên | Đúng tiến độ |
| VII | CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH | | | | |
| 27 | Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 | Quyết định của Trưởng ban | Quý I/2024 | - Quyết định số 02/QĐ-BDT ngày 15/01/2024 | Đúng tiến độ |
| 28 | Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 | Kế hoạch/Báo cáo của Ban Dân tộc | Sau khi có KH của UBND tỉnh | - Kế hoạch số 01/KH-BDT ngày 04/01/2024 | Đúng tiến độ |
| | | | Quý IV/2024 | - Kế hoạch số 07/KH-BDT ngày 23/01/2024 - Quyết định số 05/QĐ-BDT ngày 22/01/2024 | |
| 29 | Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2024 | Kế hoạch/Báo cáo của Ban Dân tộc | Sau khi có KH của UBND tỉnh | Quyết định số 19/QĐ-BDT ngày 21/02/2024 | Đúng tiến độ |
| | | | Quý IV/2024 | | |
| 30 | Kiểm tra công tác cải cách hành chính | Kế hoạch của Ban Dân tộc | Sau khi có KH của UBND tỉnh | Quyết định số 30/QĐ-BDT ngày 03/5/2024 | Đúng tiến độ |
| | | Báo cáo kết quả kiểm tra; Thông báo kết luận và xử lý sau kiểm tra của Trưởng ban | Quý III/2024 | | |
| 31 | Báo cáo định kỳ; tổng kết, đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện cải cách hành chính | Báo cáo của Ban Dân tộc | Theo quy định của UBND tỉnh | Thường xuyên | Đúng tiến độ |

